TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DS-ST
Ngày 05 tháng 3 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt - Ông Lý Tuấn Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 534/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Trương Quốc H, sinh năm 1983.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989. Cùng cư trú: Lô D, tổ A, khóm Đ, phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T: Ông Lương Tống T1, sinh năm 1964. Địa chỉ liên hệ: Số A Rạch T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2023. Có mặt.

Bị đơn: Bà Đinh Thị Diễm T2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số D T, khóm B, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Lương Tống T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo đơn khởi kiện ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bà Đinh Thị Diễm T2 trả 3.250.000.000đ (Ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 05/01/2024 ông H và bà T có văn bản xác định lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, theo đó, chỉ yêu cầu bà Đinh Thị Diễm T2 trả 3.075.000.000đ (Ba tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Lý do yêu cầu: Vào ngày 15/3/2023 vợ chồng ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T cho bà Đinh Thị Diễm T2 vay 3.250.000.000đ (Ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng, vay không kỳ hạn. Sau đó, ngày 15/6/2023 bà T2 đã trả 175.000.000 đồng, nên số nợ bà Đinh Thị Diễm T2 còn nợ ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T là 3.075.000.000đ (Ba tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, cam kết trả lãi hàng tháng. Sau đó ông H, bà T phát hiện bà T2 không sử dụng vốn vay đúng mục đích, không trả lãi theo cam kết nên ông H, bà T nhiều lần yêu cầu bà T2 trả nợ vay, nhưng bà T2 không thực hiện.

Do bà T2 vi phạm nghĩa vụ, nên ông H và bà T yêu cầu bà T2 trả 3.075.000.000đ (Ba tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên bản tự hòa giải ngày 29/8/2023 do ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T với bà Đinh Thị Diễm T2 xác lập.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị Diễm T2 mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thủ tục tống đạt, niêm yết thực hiện đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bà Đinh Thị Diễm T2 có nghĩa vụ trả cho ông H, bà T số tiền gốc 3.075.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T về việc buộc bà Đinh Thị Diễm T2 có nghĩa vụ trả cho ông H, bà T số tiền gốc 175.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Đinh Thị Diễm T2 chịu án phí dân sự do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện bà Đinh Thị Diễm T2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà T2 cư ngụ tại phường B, thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà Đinh Thị Diễm T2 vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Đinh Thị Diễm T2.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông H và bà T khởi kiện yêu cầu bà T2 có nghĩa vụ trả 3.075.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên bản tự hòa giải ngày 29/8/2023 do ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên, ghi họ tên bên nhận thỏa thuận, bà Đinh Thị Diễm T2 ký tên, ghi họ tên bên người cam kết.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo bản chính Biên bản tự hòa giải ngày 29/8/2023 do ông H, bà T và bà T2 ký nhận có nội dung *"...chúng tôi thống nhất nội dung thỏa thuận như sau: Khoản nợ tổng cộng theo biên nhận ngày 15/3/2023 là 3.250.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm năm mươi triệu) các biên nhận khác không có giá trị. Ngày 15/6/2023 chị trả 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu). Vậy còn lại 3.075.000.000đ (Ba tỷ lẻ bảy mươi lăm triệu). Bên T2 cam kết vào 5 tây hàng tháng từ 5/9/2023 sẽ đóng lãi 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trên tháng (thống nhất trả theo lãi suất ngân hàng). Ngoài ra tôi làm ăn có được bao nhiêu tôi trả bớt vốn thì bên H tính biên nhận lại và thỏa thuận cụ thể bên T2 đóng lãi đúng ngày (vào ngày năm). Bên H cam kết không thưa kiện khiếu nại nếu T2 đóng lãi đúng theo ngày 5 hàng tháng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận không ai*

ép buộc ai. Biên bản tự hòa giải này tự hai bên thỏa thuận để gửi tòa hủy đơn khởi kiện ngày 22/8/2023".

Sau khi xác lập Biên bản tự hòa giải trên, đến nay bà T2 chưa thanh toán nợ cho ông H, bà T.

Xét thấy, giao dịch dân sự giữa ông H, bà T và bà T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

[2.3]. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 175.000.000 đồng trong tổng số tiền theo đơn khởi kiện 3.250.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của luật. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[3]. Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên ngày 04 tháng 01 năm 2024 thể hiện: Đương sự Đinh Thị Diễm T2, sinh năm 1976 có đăng ký thường trú tại số D khóm B, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà T2 vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2 trong vụ án này. Do bà T2 vắng mặt Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T2 biết nhưng bà T2 vẫn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, bà T2 tiếp tục vắng mặt không có lý do là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Biên bản tự hòa giải ngày 29/8/2023 do ông H, bà T và bà T2 xác lập, ký nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T buộc bà T2 trả 3.075.000.000đ (Ba tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng) như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

bà Đinh Thị Diễm T2 phải chịu 93.500.000đ (Chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông H, bà T 3.075.000.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông H, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Đinh Thị Diễm T2. Buộc bà Đinh Thị Diễm T2 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 3.075.000.000đ (Ba tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T về việc không yêu cầu bà Đinh Thị Diễm T2 trả 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Bà Đinh Thị Diễm T2 chịu 93.500.000đ (Chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001134, ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.